



Từ điển học & Bách khoa thư

Lexicography & Encyclopedia

ISSN 1859-3135

SỐ 5⁽⁵⁵⁾

9 • 2018

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM - VIETNAM ACADEMY OF SOCIAL SCIENCES
VIỆN TỪ ĐIỂN HỌC VÀ BÁCH KHOA THƯ VIỆT NAM
VIETNAM INSTITUTE OF LEXICOGRAPHY AND ENCYCLOPEDIA

Từ điển học & Bách khoa thư

VIỆN TỪ ĐIỂN HỌC
VÀ BÁCH KHOA THƯ
VIỆT NAM

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

NĂM THỨ 9

Ra 2 tháng/ 1 kỳ

Số 5(55), 9-2018

Tổng Biên tập

LẠI VĂN HÙNG

thuhung58@gmail.com

Phó Tổng biên tập

ĐẶNG THỊ PHƯƠNG

phuongdbk36@yahoo.com.vn

Hội đồng Biên tập

PGS.TS. LẠI VĂN HÙNG

(Chủ tịch)

TS. NGUYỄN HUY BÌNH

PGS.TS. NGUYỄN CÔNG ĐỨC

PGS.TS. VŨ NGỌC HÀ

PGS.TS. PHẠM VĂN HẢO

GS.TS. NGUYỄN VĂN LỢI

PGS.TS. HÀ QUANG NĂNG

TS. ĐẶNG THỊ PHƯƠNG

PGS.TS. TẠ VĂN THÔNG

PGS.TS. PHẠM VĂN TÌNH

TS. BẠCH HỒNG VIỆT

PGS.TS. PHẠM HÙNG VIỆT

PGS.TS. ĐINH NGỌC VƯỢNG

Phòng Biên tập - Trị sự

TRẦN VĂN TRỌNG

(Phụ trách phòng)

tranvantrongviole@gmail.com

CUNG THỊ THU HẰNG

minhhang7280@gmail.com

BÙI PHƯƠNG LINH

buiphuonglinh91@gmail.com

TRẦN THỊ PHƯƠNG

tranphuong7990@gmail.com

BÙI THỊ TIẾN

tientudien@gmail.com

PHẠM VĂN TÌNH

favatin@gmail.com

Tòa soạn

36 Hàng Chuối, Hai Bà Trưng, Hà Nội

ĐT : (024) 39729345 - 39728477

Fax: (024) 37337360

Email: tapchitudienhoc@gmail.com

Website: <http://www.bachkhoatoanthu.vass.gov.vn>

Giấy phép XB: số 1012/GP-BTTTT

Bộ Thông tin & Truyền thông cấp ngày 23-7-2009

Giấy phép cấp mới: Số 1077/GP-BTTTT
ngày 19-6-2012

Chỉ số: ISSN 1859-3135

Chế bản tại Tòa soạn

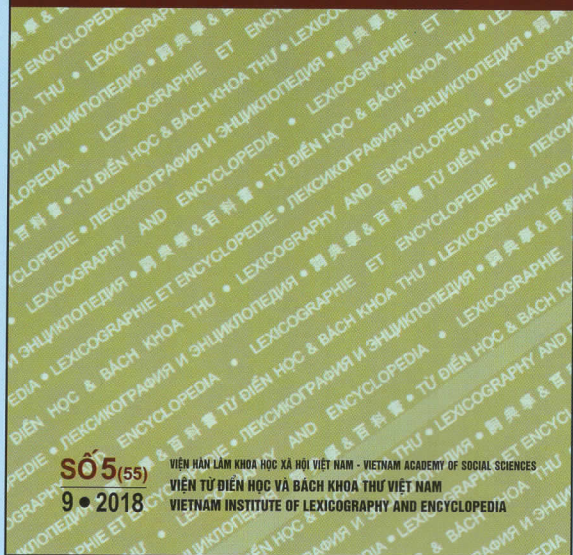
In tại: công ty TNHH in Khoa học và Công nghệ



Từ điển học & Bách khoa thư

Lexicography & Encyclopedia

ISSN 1859-3135



Số 5(55)
9-2018

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM - VIETNAM ACADEMY OF SOCIAL SCIENCES
VIỆN TỪ ĐIỂN HỌC VÀ BÁCH KHOA THƯ VIỆT NAM
VIETNAM INSTITUTE OF LEXICOGRAPHY AND ENCYCLOPEDIA

MỤC LỤC • CONTENTS

Cùng bạn đọc

To readers

7 ĐỖ HOÀI NAM

Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam:
Theo hướng đi được xác định từ đầu

*Vietnam Institute of Lexicography and Encyclopedia:
has been following the direction determined from
the beginning.*

10 LẠI VĂN HÙNG - ĐÌNH NGỌC VƯỢNG

Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam:
10 năm xây dựng và phát triển

*Vietnam institute of Lexicography and Encyclopedia:
10 years of formation and development*

NHỮNG VẤN ĐỀ TỪ ĐIỂN HỌC

LEXICOGRAPHIC ISSUES

21 BẠCH HỒNG VIỆT

Biên soạn từ điển kinh tế từ năm 1975 đến nay:
khảo cứu và đề xuất

*Compilation of economic dictionaries from 1975
until now: studies and proposals*

28 NGUYỄN THỊ THU HẢO

Từ cuốn từ điển kết hợp từ của Oxford đến ý tưởng
về việc xây dựng từ điển kết hợp từ trong tiếng Việt
*From the oxford collocations dictionary to the idea
of compiling a Vietnamese collocation dictionary*

35 LÊ XUÂN THẠI

Tìm hiểu nghĩa của yếu tố Hán Việt trong các từ:
bi mẫn, bốn ba, chân chỉ,...

*Investigating the meaning of the Sino-Vietnamese
elements in words like bi mẫn, bốn ba, chân chỉ etc.*

37 NGUYỄN TUẤN CƯỜNG

Tàng thư và học đường: nguồn gốc và diễn biến
của từ gốc Hán “書院” (shuyuan/thư viện) ở Đông Á
*Library and academy: on the origin and
development of the Chinese-originated word “書
院” (shuyuan) in East Asian countries*

44 NGUYỄN THỊ THANH NGÀ

Lịch sử biên soạn từ điển song ngữ của Pháp

*The history of compiling bilingual dictionaries in
French*

48 TRẦN VĂN DUY

Cơ sở lý luận và thực tiễn trong biên soạn *Từ
điển Quản lý hành chính nhà nước về văn hóa,
thể thao và du lịch*

*Theoretical and practical basis in compiling
“The dictionary of government management in
culture, sport and tourism*

55 HOÀNG THỊ HOA MAI

Cấu trúc vĩ mô và cấu trúc vi mô *Sổ tay Thực
phẩm Anh - Việt*

*The macrostructure and microstructure of “The
English - Vietnamese handbook of foods”*

58 TRỊNH THỊ THU HIỀN

Một số đặc điểm lý thuyết về cấu trúc vĩ mô và
cấu trúc vi mô của *Từ điển đối dịch giải thích
thuật ngữ tâm lý học Việt - Anh*

*Some theoretical issues regarding the characteristics
of the macrostructure and microstructure of “The
Vietnamese - English Comparison and Explanation
of the Psychological terms Dictionary”*

64 TRẦN THỊ TUYẾN

Về danh pháp hóa học tiếng Việt trong bộ *Từ
điển Bách khoa Việt Nam* và đề xuất chuẩn hóa
thống nhất danh pháp hóa học tiếng Việt của Hội
hóa học Việt Nam

*About Vietnamese nomenclatures in “The encyclopedia
of Vietnam” and the proposal of unanimously
standardizing the chemical society of Vietnam
nomenclatures*

70 HÀ THỊ QUẾ HƯƠNG

Cấu trúc của từ điển chính tả tiếng Việt (trên
liệu khảo sát một số quyển từ điển chính tả tiếng
Việt hiện nay)

*The structure of Vietnamese orthographic dic-
tionaries (based on the surveys about some Viet-
namese orthographic dictionaries)*

76 ĐÌNH THỊ OANH

Sổ tay từ tượng thanh, tượng hình tiếng Việt
Handbook of onomatopoeias in Vietnamese

80 HÀ QUANG NĂNG - LÊ THỊ LỆ THANH

Khái quát về lịch sử nghiên cứu thuật ngữ trên thế giới
An overview on the history of terminology history in the world

87 ĐÌNH NGỌC VƯỢNG

Bàn về cấu trúc vĩ mô và cấu trúc vi mô của Từ điển bách khoa về Cải cách hành chính ở Việt Nam

Discussing the macrostructure and microstructure of "The encyclopedia of administration reform"

NHỮNG VẤN ĐỀ BÁCH KHOA THƯ

ENCYCLOPEDIA ISSUES

92 PHẠM HÙNG VIỆT

Cấu trúc vĩ mô (cấu trúc bảng từ) của Bách khoa toàn thư và Bách khoa thư ngôn ngữ học

The macrostructure (the structure of word lists) of encyclopedias and linguistic encyclopedias

101 NGUYỄN TRÀ MY

Bách khoa thư Bashkir và Bách khoa thư Tatar với việc định dạng kênh hình

"Bashkir encyclopedia" and "Tatar encyclopedia" in identifying the illustration channel

105 TRẦN THỊ HƯỜNG - TRẦN THỊ PHƯỢNG

Biên soạn Bách khoa thư về phong trào Thơ mới 1932 - 1945

Compiling "An encyclopedia about the 'new poetry' movement in the period of 1932 - 1945"

111 NGUYỄN THỊ THÚY QUỲNH

Về việc biên soạn Bách khoa thư Di tích quốc gia đặc biệt

Regarding compiling "The encyclopedia of special national monuments"

116 HOÀNG THẮNG

Biên soạn mục từ: "Mộc bản trường học Phúc Giang" Trong Bách khoa thư Di sản văn hóa Việt Nam được UNESCO công nhận

Compiling the entry: "Woodblocks in Phúc Giang School" in Encyclopedia of Vietnamese Cultural Heritage which is recognized by UNESCO

119 NGUYỄN THÚY ANH

Biên soạn mục từ "Cán cân thương mại" trong Bách khoa toàn thư Kinh tế Việt Nam

The compilation of the entry "Trade balance" for "The Economics Encyclopedia"

124 ĐẶNG HOÀNG HẢI

Khái quát tình hình biên soạn các công trình Bách khoa thư chuyên ngành ở Việt Nam

An overview on the situation of compiling specialised encyclopedias in Vietnam

130 BÙI THANH DŨNG

Quy cách trình bày kênh hình trong Bách khoa thư địa phương

Standardization of illustration channel in local encyclopedia

137 LÊ THỊ HẢI CHI

Giới thiệu bộ Bách khoa toàn thư quốc tế về ngôn ngữ học - Xuất bản lần thứ hai

A General Introduction to "The International Encyclopedia of Linguistics" - Second Edition

143 TẠ VĂN THÔNG

Nghiên cứu biên soạn Bách khoa thư về từ điển và Bách khoa thư ở Việt Nam

Researching to compile "Encyclopedia of dictionaries and encyclopedias in Vietnam"

150 BÙI THANH PHƯƠNG

Một số kinh nghiệm cho việc biên soạn Bách khoa thư địa phương ở Việt Nam (Qua khảo sát Đại Bách khoa toàn thư Quảng Tây)

Some experience for compiling local encyclopedia in Vietnam (from surveying "The Encyclopedia of Guangxi")

TRI THỨC BÁCH KHOA

ENCYCLOPEDIA KNOWLEDGE

MỤC TỪ TIÊU ĐIỂM

ENTRIES IN FOCUS

156 LÊ SƠN

Những thần đồng mới của nước Nga
New Russian child prodigies

158 BÙI THỊ TIẾN

Giới thiệu bộ Địa chí Bắc Giang

Introduce "The Bac Giang monograph"

164 NGÔ HƯƠNG TRANG

Giới thiệu *Từ điển bách khoa quân sự Việt Nam*
Introducing "The Vietnamese military encyclopedia"

NHỮNG CHUYÊN NGÀNH LIÊN QUAN

RELATED FIELDS

170 NGUYỄN THỊ HẢI VÂN

Khảo sát từ Việt cổ trong văn bản truyện thơ
Nôm Nhị độ mai diễm ca

Surveying old Vietnamese words in the text of the Nôm poem "Nhị độ mai diễm ca"

180 ĐỖ THỊ THU THỦY

Kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật trên
địa bàn tỉnh Điện Biên

Inspecting and processing legal documents in Dien Bien province

187 LÒ THỊ MINH PHƯƠNG

Thi hành luật tổ chức chính quyền địa phương năm
2015 - từ thực tiễn thị xã Mường Lay, tỉnh Điện Biên

Implementing the 2015 Law on Local Government Organization - from the actual situation of the town of Muong Lay, Dien Bien province

197 LÊ VĂN PHƯƠNG

Tình yêu trong thơ Huỳnh Văn Nghệ
Love in the poems of Huynh Van Nghe

202 NGHIÊM THỊ BÍCH DIỆP

Đặc điểm ngữ nghĩa của thành ngữ Việt - Anh về
tình yêu, hôn nhân và gia đình

Semantic features of Vietnamese - English idioms about love, marriage and family

209 VŨ THỊ TRANG - PHẠM MINH QUÂN

Hai trụ cột của phê bình phân tâm học: Charles
Mauron và Norman Holland

Two of the most influential psychoanalytic literary critics: Charles Mauron and Norman Holland

215 PHẠM VĂN TÌNH - CHU THỊ THÙY PHƯƠNG

Lý thuyết kết trị và vấn đề ngữ trị tiếng Việt
Valence theory and some issues of valence in Vietnamese language

218 VŨ HOÀNG DƯƠNG

Các khái niệm “người lãnh đạo”, “người quản
lý” trong hệ thống chính trị Việt Nam

The concepts of "leaders" and "managers" in the Vietnamese political system

224 NGUYỄN THỊ MINH HƯỜNG

Đánh giá tác động về kinh tế đối với việc cho
phép cơ sở y tế thực hiện can thiệp y học để
chuyển đổi giới tính

Assessing the economic impact of permitting health facilities to perform medical intervention in sex change

230 CUNG THỊ THU HẰNG

Một vài đặc trưng về thực hành tín ngưỡng thờ
Mẫu Tam phủ của người Việt

A few features of the practice of worshipping Mẫu Tam phủ in Vietnam

235 HOÀNG KIM NGỌC

Ngôn ngữ trong *Giấc mơ sông Thương* của
Nguyễn Phúc Thành

Language in "Thuong river's dream" by Nguyen Phuc Thanh

244 NGUYỄN THU TRÀ

Ẩn dụ tình yêu trong ca dao Việt Nam
Love metaphor in Vietnames folks

250 NGUYỄN THỊ THIẾT

Về đặc điểm định danh của thuật ngữ bưu chính
viễn thông tiếng Anh

Denomination characteristics of the posts and telecommunications terms in English

257 NGUYỄN VĂN CHÍNH - ĐÌNH VĂN ĐỨC

Về “Ngữ pháp quan hệ” trong mối liên hệ với
các từ loại thực từ tiếng Việt (trường hợp danh
từ, động từ)

Valence grammar in relation to content words in Vietnames (the cases of nouns, verbs)

TIN TỨC HOẠT ĐỘNG

OTHER NEWS

- Vinh danh 8 công trình tiêu biểu trong chương trình “Vinh quang Việt Nam - Dấu ấn những công trình”
- *Honoring 8 exemplary works in the show "The glory of Vietnam - The impression of works"*

TÌNH YÊU TRONG THƠ HUỖNH VĂN NGHỆ

LÊ VĂN PHƯƠNG *

Tóm tắt: Huỳnh Văn Nghệ (1914 - 1977) được mệnh danh là “Thi tướng miền Đông”. Đến với Thơ mới Nam Kỳ đầu thế kỷ 20, Huỳnh Văn Nghệ đã cho ra đời một số bài thơ nằm trong quỹ đạo chung của cảm hứng trữ tình lãng mạn. Tuy không nhiều so với cảm hứng trữ tình công dân, trữ tình chính trị, nhưng nó cũng đủ làm nên một nét rất riêng cho thơ tình Huỳnh Văn Nghệ ở nhiều bình diện, từ cảm xúc, ngôn ngữ đến vần điệu, gần gũi với con người vùng đất mới phương Nam. Thơ tình của Huỳnh Văn Nghệ hòa điệu nhiều cung bậc cảm xúc, từ sôi nổi, ngất thơ, táo bạo đến khắc khoải, thất vọng, lo âu,... Hành trình thơ Huỳnh Văn Nghệ gắn bó mật thiết với sự vận động phát triển của lịch sử và văn học dân tộc nói chung và Nam Kỳ nói riêng.

Từ khóa: Nam Kỳ, thơ Huỳnh Văn Nghệ, tình yêu, lãng mạn.

Abstract: Huynh Van Nghe (1914 - 1977) was known as “a heroic poet of the Eastern Vietnam”. He began to compose his first poems in Vietnam’s New Poetry movement in early 20th century, some of his poems came from the popular fields of lyric and romantic inspirations. While they were not as many as his other poems in the field of lyric for citizens and political lyric, these poems were enough to establish his own particular characteristics in many themes, such as emotions, linguistics and rhymes, which are all familiar with the people in Southern Vietnam. The sentimental rhymes of Huynh Van Nghe always collaborated with differently emotions, from exciting, slow witting and daring to frustrating, disappointing, harshing and so on. The routes of Huynh Van Nghe’ poems closely associated with the development of the history and national literature in general, and Southern Vietnam in particular.

Keywords: Southern area, Huynh Van Nghe, Loves, Romantic.

1. Huỳnh Văn Nghệ (bí danh Hoàng Hồ) sinh ngày 2.1.1914 tại làng Tân Tịch, huyện Tân Uyên, tỉnh Biên Hòa (nay là xã Thường Tân, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương). Thuở nhỏ, Huỳnh Văn Nghệ học rất giỏi nên được nhận học bổng tại Trường trung học Petrus Ký Sài Gòn (nay là Trường THPT Lê Hồng Phong). Cuộc đời của Huỳnh Văn Nghệ gắn liền với những bước thăng trầm của lịch sử dân tộc. Vào thời kỳ 1936 - 1939, ông tham gia phong trào Đông Dương đại hội ở Sở Xe lửa Sài Gòn. Đến năm 1940, ông tích cực tham gia khởi nghĩa Nam Kỳ. Năm 1944, ông vinh dự được kết nạp Đảng. Sau đó, Huỳnh Văn Nghệ tham gia Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945, trực tiếp chỉ huy cướp chính quyền ở Biên Hòa. Thời kỳ kháng chiến chống pháp, ông chiến đấu ở chiến khu Đ, lập nhiều chiến công, trở thành Khu trưởng và Tư lệnh Bộ Tư lệnh khu VII. Từ giữa năm 1953, ông ra miền Bắc công tác gần 12 năm. Năm 1965, ông được điều động trở về Nam Bộ và giữ các chức vụ: Phó Bí thư Đảng ủy căn cứ Trung ương Cục miền Nam, Phó ban Kinh tài Trung ương Cục miền Nam. Sau đại thắng mùa xuân năm 1975, ông giữ chức Thứ trưởng Bộ Lâm nghiệp. Ngày 5.3.1977, ông mất tại Bệnh viện Thống Nhất sau thời gian lâm bệnh nặng,

* TS - Đại học Cần Thơ; Email: vanphuongtanluoc@gmail.com

hường dương 63 tuổi [5, tr.675-676].

2. Đầu thập niên 30 của thế kỷ 20, khi phong trào đổi mới thơ ca ở Sài Gòn diễn ra khá sôi nổi, cũng là lúc chàng thanh niên trí thức Huỳnh Văn Nghệ chập chững bước vào làng thơ. Với những trải nghiệm thực tế khi theo học trung học ở Sài Gòn và những tháng ngày vật lộn mưu sinh, Huỳnh Văn Nghệ có điều kiện tiếp cận với nền văn hóa và văn học phương Tây, giúp ông có được những cảm nhận đầu tiên về tính chất mới mẻ của văn điệu, của cảm hứng thơ ca. Tuy không tham gia vào cuộc tranh luận “mới”, “cũ” nhưng thơ của Huỳnh Văn Nghệ từ ngày khởi thủy ở Sài Gòn cho đến khi tham gia cách mạng rời ra Bắc, luôn thống nhất một phong cách mới mẻ, tự nhiên, dung dị, gần gũi với ngôn ngữ đời thường của con người vùng đất mới phương Nam. Tiếp cận với thơ Huỳnh Văn Nghệ, phần lớn giới nghiên cứu và độc giả nghiêng về lối thơ phản ánh hiện thực đời sống; tiếng nói tranh đấu cách mạng nên đã ít nhiều “lãng quên” lối thơ trữ tình lãng mạn không kém phần đặc sắc với *Cái tôi* yêu đương, *Cái tôi* thiết tha rạo rức *Cái tôi* trần trụi bản khoãn,...

3. Bước vào làng Thơ mới, Huỳnh Văn Nghệ đã cho ra đời một số bài thơ nằm trong quỹ đạo chung của cảm hứng trữ tình lãng mạn. Tuy không nhiều so với cảm hứng trữ tình công dân, trữ tình chính trị, nhưng nó cũng đủ làm nên một nét rất riêng của thơ tình yêu Huỳnh Văn Nghệ ở nhiều bình diện, từ cảm xúc, ngôn ngữ đến văn điệu,... tiêu biểu như: *Trên xe lửa* (1935), *Trăng tàn trên sông* (1935), *Đường về* (1938), *Chiều* (1943), *Em không muốn* (1935), *Xé nát thơ tình* (1935), *Thú tội* (1940), *Thơ cho Lan* (1940),... Đó là những bài thơ tình yêu, là tiếng thơ của một tâm hồn trai trẻ phảng phất những giấc mơ yêu với nhiều cung bậc cảm xúc, khi khát khao nồng đượm, lúc băng khuâng say đắm và có cả những tan vỡ bề bồng... Thơ tình yêu của

Huỳnh Văn Nghệ có đủ các sắc màu, cung bậc cảm xúc xuyên qua tâm hồn.

Thơ tình của Huỳnh Văn Nghệ gắn liền với niềm khát vọng tình yêu. Đặc điểm này dễ nhận thấy trong thơ ông cũng như trong thơ tình lãng mạn nói chung. Trái tim yêu của nhân vật trữ tình trong thơ Huỳnh Văn Nghệ từng băng khuâng, rạo rức:

*Ôi đau đớn! Chưa đi đã biết trước:
Bước lên đường là tan một giấc mơ.
Đi gặp nhau để hết nhớ mong chờ,
Tình thú vị chỉ trong thơ qua lại.*

*Nào đâu những hoa vàng chào chim khách,
Tám khăn tình phơ phát đón sân ga.
Đâu môi duyên cười đón bạn phương xa,
Và lòng mở, tim run, tay siết chặt?*

(Đường về)

Ta bắt gặp niềm khát khao tình yêu đầu đời thật mãnh liệt, náo nức, thấp thoáng những phút giây dạt dào lãng mạn bởi hương vị tình yêu luôn chứa một sức hút ghê gớm làm đắm say tâm hồn con người, đặc biệt là tuổi trẻ:

*Anh đi tìm nàng ai ân yêu dấu
Trên chiếc thuyền, từ bao giờ chưa đậu
Đã môi mê, anh chưa gặp người yêu
Ngày đêm trôi trên cảnh vật đều hiu...
(...)*

*Khách cô thân trên sông đang buồn tủi
Em, phải chăng người đang lau ráo lệ anh
Và khuyên lơn, an ủi, dỗ dành*

*Cho anh bớt buồn, thương, giữa cô đơn bát ngát!
(Trăng tàn trên sông)*

Hình ảnh người yêu hiện lên trong thơ Huỳnh Văn Nghệ rất sống động. Từ thoáng giây mơ màng của hình bóng lãng mạn, người yêu trong thơ đã hiện hiện rõ ràng vừa ngây thơ e ấp như cô lái đò trên sông, vừa táo bạo như nàng thiếu nữ muốn giành lấy tình nhân

cho riêng mình, nên không muốn “Anh ngăn ngợ, ngợ ngăn ngẫm chân mây”. Sau những lời bộc bạch thật tình tứ vừa hồn nhiên, vừa táo bạo về những giây phút xao xuyên trước tình yêu là niềm khát vọng độc chiếm cho riêng mình:

*Này trông em, ánh xuân tươi sắp biệt
Còn trên má son mà môi anh chưa biết
Hãy yêu em kéo trễ, bạn lòng ơi...
Dứt lời em cười nụ, rồi lả lơi
Kẻ vàng trán bên đôi môi yêu dấu
Và thiết tha (tình quân ơi, có thấu?)
Em chờ ai ban cho cái hôn nồng...*

(Em không muốn)

Em không muốn là một bài thơ đậm đà hương vị tình yêu được khơi lên từ cảm giác ngọt ngào khi mọi giác quan đang rung cảm với tình yêu, là một lời yêu của người yêu vừa ngây thơ vừa táo bạo. Bài thơ này đã được đăng trên mục *Nguồn thơ* của báo *Sóng* ở Sài Gòn đầu thập niên 30, rất gần với cảm thức xao xuyên bàng hoàng trước thời gian tuổi trẻ, tuổi rực rỡ thanh xuân yêu đương nồng nàn mà ngần ngại trong bài *Vội vàng* của Xuân Diệu. Những điểm hẹn của Thơ mới Việt Nam như thế đã khá rải đều, cho dù có những cách biệt về phương diện không gian địa lý giữa các nhà thơ ở mọi miền đất nước.

Trong thơ tình yêu của Huỳnh Văn Nghệ, nhân vật trữ tình đã hóa thân thành cô thiếu nữ ngây thơ, hồn nhiên để phát ngôn cho niềm khát tình yêu hãy đến ngay, đến nhanh khi còn trẻ trung nồng nàn. Ấn đàng sau dáng vẻ e ấp, hiền thực đầy nữ tính của cô lái đò trên bến sông ngày ngày đưa tiễn khách sang sông là niềm khát vọng đau đáu, tâm trạng vọng trông giây phút “sang sông” của cuộc đời mình:

*Sông chiều nước lớn tràn bờ
Cô đò đưa đám học trò sang sông
Mỗi chiều má mỗi thêm hồng*

Mỗi chiều cô mỗi mơ chồng văn nhân.

(Chiều)

Nỗi sầu cô đơn, cảm thức mong manh trong cơn lốc cuộc đời và khao khát sẽ chia là một cảm hứng trong thơ tình yêu của Huỳnh Văn Nghệ. Đó là cảm giác về nỗi cô đơn, sự mong manh của kiếp người trước cuộc đời trống vắng mà chưa tìm được bù đắp. Nỗi cô đơn trống vắng thường gắn với cảm thức khát vọng tình yêu làm cho thơ Huỳnh Văn Nghệ rất gần gũi với cảm hứng u sầu của Thơ mới đương thời:

*Cô em buồn lo thân cô mỏng mảnh
Không nhìn ra như tôi đang say cảnh
Đôi non qua chạy ngược đến chân trời.*

(Trên xe lửa)

Hình ảnh “Buồn lo”, “mỏng mảnh” ấy rất quen thuộc với Thơ mới. Và đó chính là một Nàng Thơ sầu lắng đã gọi lên bao ước mơ lãng mạn vụt đến trong thoáng chốc trong cuộc hành trình khô khan của chuyến tàu cuộc đời như vô tri vô cảm, cứ *Vùn vụt đi không biết sẽ đến đâu/Cứ gầm thét chiếc xe đăm đăm chạy*. Bóng dáng của nỗi cô đơn mỏng manh rất cần được thấu hiểu, được che chở bảo vệ ấy cũng vụt trở thành nàng thơ của chàng thanh niên lãng mạn.

Nỗi cô đơn và cảm thức mong manh ấy cũng đã dẫn tới khát vọng cùng hình bóng Nàng Thơ - hình bóng tình yêu cùng đồng hành ra khỏi thực tại tẻ nhạt vô vị để mơ về những chân trời mới cũng là một cảm hứng trong thơ tình yêu của Huỳnh Văn Nghệ:

*Còi còi thét tiếng ca tôi càng lớn
Hỡi em ơi, xa lánh lũy tre già
Cùng anh đi, đi mãi, đi xa...*

(Trên xe lửa)

Cũng như nhiều tâm hồn của thơ ca lãng mạn khác luôn khát khao về những chân trời

xa xôi, rộng mở, chàng thanh niên Huỳnh Văn Nghệ đã thả hồn mình theo giấc mơ lãng mạn muôn đời. Một Nàng Thơ qua bóng hình tình yêu “mỏng mảnh” thanh tao, nhẹ nhàng đã làm chàng liên tưởng đến những cánh chim tự do cho cả yêu đương và nghệ thuật đang mơ vượt ra khỏi mọi rào chắn để vút bay lên bầu trời mệnh mang cao rộng mà chàng đang khao khát:

Hỡi em ơi, xa lánh lũy tre già

Như đôi nhạn trên trời xanh rộng rãi

Hãy bay đi, đời đẹp vui biết mấy

Hỡi em ơi, xa lánh lũy tre già...

(*Trên xe lửa*)

Ta nên hiểu đó không chỉ là giấc mơ của riêng chàng, mà còn là giấc mơ của cả một thời kỳ rạo rực thiết tha đổi mới nguồn thơ, đem thơ ra khỏi những bó buộc chật hẹp để cùng nguồn hứng trẻ trung mở ra những khoảng trời nghệ thuật trẻ trung, mệnh môn cao rộng mà trước hết là cho tình cảm chấp cánh. Và tình yêu cũng là nguồn mở rộng cảm hứng thơ.

Nhưng cảm thức lãng mạn vốn gắn bó sâu đậm với nỗi buồn nên ước mơ kia đột ngột bị đứt ngang khi nàng đã xuống xe ở giữa chặng đường, nghĩa là Nàng Thơ tan đi khi chuyến xe cuộc đời ngừng lại:

Anh cùng em, chấp cánh tung trời bay

Bỗng xe ngừng, cô em lảo bước xuống

Em biết đâu rằng lòng tôi đang muốn

Cùng cô em chấp cánh tung trời bay.

(*Trên xe lửa*)

Để rồi, chỉ còn mình chàng thi sĩ cô đơn tiếp tục một mình với tiếng đời không êm à chút nào như động cơ tàu hỏa vô tri. Một câu thơ tả hành trạng con tàu “gầm thét”, “điên cuồng đâm đầu chạy” được lặp lại nhiều lần trong bài cho thấy chàng thanh niên thi nhân tiếp nhận nó bằng cảm thức về tiếng đời, về

dòng chảy cuồng bạo của cuộc sống, của thời gian đang lao về phía trước mà mình vẫn còn đang hoang mang vô định:

Cứ gầm thét, chiếc xe đâm đầu chạy

Như điên cuồng trong ánh sáng một ngày thu

Vùn vụt đi, không biết sẽ đến đâu

Cứ gầm thét, chiếc xe đâm đầu chạy.

(*Trên xe lửa*)

Những cảm xúc khổ đau, thất vọng, mất mát trong tình yêu cũng từng đọng lại trong nhiều bài thơ thời thanh niên của Huỳnh Văn Nghệ. Đó có thể là một mối “ám ức” vì sự không tròn vẹn của tình yêu tuổi thanh xuân vốn còn nông nổi, bông bột và vì thế nên sẽ chứa đựng rất nhiều thay đổi khi đối diện sự thực trái lòng, có khi chỉ vì một nguyên do rất nhỏ, có khi như chẳng có nguyên do gì:

Ôi tức lắm! Chưa đi đã biết trước

Bước trên đường là tan một nguồn mơ

Gặp nhau chỉ để hết nhớ mong chờ

Tình thú vị chỉ trong thơ qua lại.

(*Đường về*)

Đó cũng có thể là sự thất vọng nào nê, những cảm xúc cay đắng sau giờ hội ngộ với người mơ, đúng hơn là hội ngộ với “thực tế phũ phàng” đã được Huỳnh Văn Nghệ ghi lại bằng những dòng thơ đẹp và rất đổi tài hoa (được nhiều người ưa thích và truyền tụng, chỉ sau bài *Nhớ Bắc*) cho thấy tác giả đã khá vững chãi về nghệ thuật xây dựng hình tượng, nghệ thuật ngôn từ Thơ mới: *Đã lỡ bước nên đến không muốn thấy/Nhác trông cây không lá với không chim/Dễ gì tìm trong bạn chút phần tim/ Người đã nói tặng từ khi xa cách/Nào đâu những hoa vàng chào chim khách/Tám khăn tình phơ phát đón sân ga/Đâu môi duyên cười đón bạn phương xa/Và lòng mở, tim run, tay siết chặt?* (*Đường về*). Nỗi thất vọng còn thể hiện trong nhiều câu thơ khác nữa với những xác định u sầu về khả năng tìm gặp một trái

tim đồng hành, tri kỷ, tri âm, có thể cùng mình sánh bước:

*Đừng kiếm mắt công, không bao giờ tìm được
Hãy về đi, trở lại con đường xưa
Rồi quên em trong gió bụi, nắng mưa
Tiếng nàng với ánh trăng, cùng tắt...*

(Trăng tàn trên sông)

Và khát vọng về một sự hòa nhập đẹp đẽ giữa bóng hồng cuộc sống và bóng hồng nghệ thuật cũng chỉ là một giấc mơ đẹp sẽ dễ dàng tan đi:

*Mây hương tan trước ngõ
Tiếng sáo đứt bao giờ
Bầy loan theo nàng biển
Còn mình ta bơ vơ...*

(Trở về)

Có khi tiếng thơ dài nã nuốt vọng lên trong thẳm cùng nỗi cô đơn thất vọng, không biết giải bày cùng ai khi tình yêu không trọn vẹn, chỉ biết tỏ bày trước đấng sinh thành - cũng là người mẹ nghệ thuật luôn lắng nghe mọi nỗi niềm đau khổ.

Kể từ khi hòa nhập “toàn tâm, toàn ý, toàn hồn” (Xuân Diệu) vào cuộc đời rộng lớn, tiếng thơ Huỳnh Văn Nghệ đã rẽ sang những nguồn cảm hứng khác. Nhà nghiên cứu Bùi Quang Huy nhận xét: “Trong khi nhiều nhà Thơ mới thời bấy giờ đi tìm cảm xúc “mới” nhưng xa lạ với tâm hồn dân tộc, thì Huỳnh Văn Nghệ thấy thiên chức của thi sĩ trong những cuộc đấu tranh chống đau khổ” [2, tr.265]. Huỳnh Văn Nghệ là một nhà Thơ mới, nhưng đặc biệt là ông đã “hướng ngòi bút của mình về phía nhân quần đang đau khổ” [2, tr.265]. Và từ đây, lẽ dĩ nhiên, những vần thơ viết về tình yêu đôi lứa rất ít xuất hiện trên trang thơ của thi tướng Huỳnh Văn Nghệ.

4. Như vậy, trong bầu không khí sôi nổi của hoạt động thơ ca vùng đất mới phương Nam nửa đầu thế kỷ 20, chúng ta phải thừa nhận rằng, sự xuất hiện và trưởng thành của cây bút thơ Huỳnh Văn Nghệ với đầy đủ diện mạo của một nhà Thơ mới là một sự đóng góp rất đáng trân quý. Thơ Huỳnh Văn Nghệ khá đa dạng về cảm hứng, đặc biệt là những bài thơ viết về tình yêu đôi lứa với nhiều cung bậc cảm xúc, từ sôi nổi, ngây thơ, táo bạo đến khắc khoải, thất vọng, lo âu,... Thơ Huỳnh Văn Nghệ, đặc biệt là “những vần thơ tình tuy không quá sắc sảo mà còn có phần “thô ráp” nhưng vẫn có những giá trị không thể “chết” với thời gian” [3, tr.116] bởi nó đã “đi vào tâm hồn các thế hệ người đọc và phát huy tác dụng lâu bền” [4, tr.5]. Tuy bị “bỏ quên” trong văn học sử Việt Nam một thời gian khá dài, nhưng thơ ông lại có sức sống khá mạnh trong lòng nhân dân. Trái qua bao thăng trầm của cuộc sống, bao lớp bụi của thời gian nhưng thơ Huỳnh Văn Nghệ, đặc biệt là những vần thơ tình vẫn không hề “chết”. Vì thế, “vị trí của Huỳnh Văn Nghệ cần được khẳng định trong lịch sử văn học Việt Nam hiện đại” [1, tr.9].

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Hội văn học nghệ thuật Sông Bé, *Bên bờ sông xanh* (Tuyển tập thơ văn Huỳnh Văn Nghệ), Nxb. Tổng hợp Sông Bé, Bình Dương, 2002.
- [2] Bùi Quang Huy, *Huỳnh Văn Nghệ - như một giấc mơ*, Nxb. Đồng Nai, Đồng Nai, 2010.
- [3] Lê Văn Phương, *Đặc điểm thơ Huỳnh Văn Nghệ*, Luận văn Thạc sĩ Văn học, trường Đại học Cần Thơ, 2013.
- [4] Trần Đình Sử, *Những thế giới nghệ thuật thơ*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1995.
- [5] Trần Hữu Tá, *Huỳnh Văn Nghệ*, In trong *Từ điển văn học (Bổ mới)*. Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2004.

tim đồng hành, tri kỷ, tri âm, có thể cùng mình sánh bước:

*Đừng kiếm mát công, không bao giờ tìm được
Hãy về đi, trở lại con đường xưa
Rời quên em trong gió bụi, nắng mưa
Tiếng nàng với ánh trăng, cùng tắt...
(Trăng tàn trên sông)*

Và khát vọng về một sự hòa nhập đẹp đẽ giữa bóng hồng cuộc sống và bóng hồng nghệ thuật cũng chỉ là một giấc mơ đẹp sẽ dễ dàng tan đi:

*Mây hường tan trước ngõ
Tiếng sáo dứt bao giờ
Bây loan theo nàng biển
Còn mình ta bơ vơ...*

(Trở về)

Có khi tiếng thở dài nào nuốt vọng lên trong thẳm cùng nỗi cô đơn thất vọng, không biết giải bày cùng ai khi tình yêu không trọn vẹn, chỉ biết tỏ bày trước đấng sinh thành - cũng là người mẹ nghệ thuật luôn lắng nghe mọi nỗi niềm đau khổ.

Kể từ khi hòa nhập “toàn tâm, toàn ý, toàn hồn” (Xuân Diệu) vào cuộc đời rộng lớn, tiếng thơ Huỳnh Văn Nghệ đã rẽ sang những nguồn cảm hứng khác. Nhà nghiên cứu Bùi Quang Huy nhận xét: “Trong khi nhiều nhà Thơ mới thời bấy giờ đi tìm cảm xúc “mới” nhưng xa lạ với tâm hồn dân tộc, thì Huỳnh Văn Nghệ thấy thiên chức của thi sĩ trong những cuộc đấu tranh chống đau khổ” [2, tr.265]. Huỳnh Văn Nghệ là một nhà Thơ mới, nhưng đặc biệt là ông đã “hướng ngòi bút của mình về phía nhân quần đang đau khổ” [2, tr.265]. Và từ đây, lẽ dĩ nhiên, những vần thơ viết về tình yêu đôi lứa rất ít xuất hiện trên trang thơ của thi tướng Huỳnh Văn Nghệ.

4. Như vậy, trong bầu không khí sôi nổi của hoạt động thơ ca vùng đất mới phương Nam nửa đầu thế kỷ 20, chúng ta phải thừa nhận rằng, sự xuất hiện và trưởng thành của cây bút thơ Huỳnh Văn Nghệ với đầy đủ diện mạo của một nhà Thơ mới là một sự đóng góp rất đáng trân quý. Thơ Huỳnh Văn Nghệ khá đa dạng về cảm hứng, đặc biệt là những bài thơ viết về tình yêu đôi lứa với nhiều cung bậc cảm xúc, từ sôi nổi, ngây thơ, táo bạo đến khắc khoải, thất vọng, lo âu,... Thơ Huỳnh Văn Nghệ, đặc biệt là “những vần thơ tình tuy không quá sắc sảo mà còn có phần “thô ráp” nhưng vẫn có những giá trị không thể “chết” với thời gian” [3, tr.116] bởi nó đã “đi vào tâm hồn các thế hệ người đọc và phát huy tác dụng lâu bền” [4, tr.5]. Tuy bị “bỏ quên” trong văn học sử Việt Nam một thời gian khá dài, nhưng thơ ông lại có sức sống khá mạnh trong lòng nhân dân. Trải qua bao thăng trầm của cuộc sống, bao lớp bụi của thời gian nhưng thơ Huỳnh Văn Nghệ, đặc biệt là những vần thơ tình vẫn không hề “chết”. Vì thế, “vị trí của Huỳnh Văn Nghệ cần được khẳng định trong lịch sử văn học Việt Nam hiện đại” [1, tr.9].

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Hội văn học nghệ thuật Sông Bé, *Bên bờ sông xanh* (Tuyển tập thơ văn Huỳnh Văn Nghệ), Nxb. Tổng hợp Sông Bé, Bình Dương, 2002.
- [2] Bùi Quang Huy, *Huỳnh Văn Nghệ - như một giấc mơ*, Nxb. Đồng Nai, Đồng Nai, 2010.
- [3] Lê Văn Phương, *Đặc điểm thơ Huỳnh Văn Nghệ*, Luận văn Thạc sĩ Văn học, trường Đại học Cần Thơ, 2013.
- [4] Trần Đình Sử, *Những thế giới nghệ thuật thơ*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1995.
- [5] Trần Hữu Tá, *Huỳnh Văn Nghệ*, In trong *Từ điển văn học (Bộ mới)*. Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2004.

Tạp chí *Từ điển học và Bách khoa thư* được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động báo chí số 1012/GP-BTTTT ngày 23.07.2009 của Bộ Thông tin và Truyền thông và Công văn số 1035/QĐ-KHXH ngày 30.07.2009 của Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

Tạp chí xuất bản bằng tiếng Việt. Kỳ hạn xuất bản 2 tháng/1 kỳ. Chỉ số tiếng Việt: ISSN 1859-3135. Các chuyên mục chính: I. *Những vấn đề Từ điển học*; II. *Những vấn đề Bách khoa thư*; III. *Trí thức bách khoa*; IV. *Những chuyên ngành liên quan*; V. *Tin tức hoạt động*.

Tạp chí *Từ điển học và Bách khoa thư* là tạp chí đa ngành, có chức năng công bố, trao đổi các kết quả nghiên cứu khoa học thuộc mọi lĩnh vực. Tạp chí đã được Hội đồng Chức danh Giáo sư Nhà nước công nhận tính điểm cho các bài báo khoa học thuộc các ngành: Ngôn ngữ học 0-1,0 điểm, Văn học: 0-0,5 điểm.

Tạp chí *Từ điển học và Bách khoa thư* trân trọng thông báo và hoan nghênh các nhà khoa học, các Giáo sư, Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Nghiên cứu sinh, các thầy giáo, cô giáo, sinh viên và những người yêu mến khoa học viết bài gửi đến tạp chí. Tạp chí sẽ biên tập, thẩm định và bố trí đăng vào số thích hợp nhất.

Yêu cầu về dung lượng và quy cách trình bày bài viết:

1. Yêu cầu chung

- Bài nhận đăng là những bài báo khoa học độc lập không sao chép và chưa từng được công bố trên các sách, báo, tạp chí khoa học trong nước và quốc tế.

- Bài viết gửi về tạp chí dưới dạng file mềm và bản in, có thể gửi trực tiếp hoặc qua hòm thư điện tử.

- Thông tin tác giả: Đề nghị ghi rõ học hàm, học vị, chức danh, đơn vị công tác, địa chỉ liên hệ, số điện thoại, email.

2. Yêu cầu về trình bày

a. Hình thức

- Bài viết tối đa 5.000 chữ, tương đương khoảng 12 trang A4

- Font chữ: Times New Roman (bảng mã Unicode)

- Cỡ chữ: 14

- Khổ giấy A4, giãn dòng 1.5 line, căn lề trên - dưới 3.0 cm, trái 3.5 cm, phải 2.0 cm

MỜI VIẾT BÀI CHO TẠP CHÍ TỪ ĐIỂN HỌC & BÁCH KHOA THƯ

b. Trình tự nội dung

- Tên bài viết (in hoa): không quá 18 chữ (bằng tiếng Việt và tiếng Anh)

- Tên tác giả (in hoa, căn lề phải)

- Tóm tắt khoảng 100 chữ: bằng tiếng Việt và tiếng Anh

- Từ khóa 3-5 từ: bằng tiếng Việt và tiếng Anh

- Nội dung bài viết

- Tài liệu tham khảo: không quá 10 tài liệu tham khảo, sắp xếp theo thứ tự tên tác giả, tài liệu tiếng Việt xếp trước, tài liệu tiếng nước ngoài xếp sau; trình bày theo thứ tự: Họ tên tác giả, tên cuốn sách (*in nghiêng*), tên nhà xuất bản/báo - tạp chí, trang số, tập/kỳ/số xuất bản, nơi xuất bản, năm xuất bản...

Lưu ý:

- Tên tác phẩm trong nội dung bài viết: in nghiêng, không đậm, không để trong ngoặc kép;

- Trích dẫn trong nội dung bài viết: không in nghiêng, không đậm, và để trong ngoặc kép; sau trích dẫn chú ngoặc vuông: [1,

tr.25], [1, tr.20-21],...

- Chú thích bài không để dưới chân trang, đánh số thứ tự bắt đầu từ 1, sắp xếp trên phần Tài liệu tham khảo. Chú thích dùng để diễn giải, mở rộng nội dung, ý tưởng của bài viết.

- Tài liệu tham khảo được trình bày như sau:

Tên tác giả, tên tác phẩm (in nghiêng), nhà xuất bản, nơi xuất bản, năm xuất bản:

- Các văn bản có kèm ký tự chữ Nga: đánh trên phần mềm font chữ Nga (có thể tải trên mạng: <http://www.Tlit.org>) không chèn từ ký tự symbol;

- Không dùng chế độ Bullets and Numbering;

- Bài viết có sơ đồ, bảng biểu phức tạp: vẽ và cố định chính xác trong phạm vi bát chữ trang tạp chí 14,5x20,5cm (hoặc đặt một trang riêng, hoặc sau đó gửi bản PDF kèm theo để khi cần đối chiếu cho chuẩn xác, tránh sai sót);

- Nếu bài có kèm ảnh, xin vui lòng chuyển cho Tòa soạn bằng file ảnh (chụp hoặc scan) kèm chú thích cho từng ảnh;

Thông tin liên hệ:

Tạp chí *Từ điển học & Bách khoa thư*

Địa chỉ: 36 Hàng Chuối, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 024 39729345 - 39728477

Email: tapchituidienhoc@gmail.com

Giá: 50.000đ